

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2024/DS-ST
Ngày 05 – 9 – 2024
“Tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu di dời tài sản trên đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh T

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sơn Mút; Ông Lương Phi H

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Th V – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Chí Nhơn - Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 8 năm 2024, ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 205/2022/TLST-DS, ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu di dời tài sản trên đất*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2024/QĐXXST-DS, ngày 31 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 194/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị B, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn: Chị Phạm Diễm T, sinh năm 1980. Địa chỉ: khóm D, phường T, xã B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

- Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2), sinh năm 1976; Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh K, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số G T, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Quốc H – Trưởng Chi nhánh Công ty L và Cộng sự tại Vĩnh Long; (vắng mặt). Bị đơn đề nghị xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 1/ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1933 (xin vắng mặt)
 - 2/ Huỳnh Thị X, sinh năm 1953 (vắng mặt)
 - 3/ Huỳnh Văn P, sinh năm 1969 (có mặt)
 - 4/ Huỳnh Văn Ú, sinh năm 1975 (vắng mặt)
 - 5/ Nguyễn Văn H2, sinh năm 1965 (có mặt)
 - 6/ Nguyễn Huỳnh Mộng H3, sinh năm 1999 (xin vắng mặt)
 - 7/ Nguyễn Hoàng T3, sinh năm 2002 (xin vắng mặt)
 - 8/ Nguyễn Hoàng K1, sinh năm 2009 (xin vắng mặt)
 - 9/ Ông Nguyễn Văn K2, sinh năm 1976 (có mặt)
- Cùng địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 29/9/2022 của chị Huỳnh Thị B và lời trình bày của người đại diện cho chị B có nội dung:

Nguyên cha là ông Huỳnh Văn N (chết 2015) và mẹ là bà Nguyễn Thị H1 có tất cả là 10 người con, chết lúc nhỏ 05 người, còn 05 người: Huỳnh Thị X, Huỳnh Văn P, Huỳnh Văn Ú, Huỳnh Thị B, Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2).

Ông Huỳnh Văn N, bà Nguyễn Thị H1 chia cho con trai mỗi người là 1 nền nhà. Riêng chị B và chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) được cho chung một nền, sau đó Nhà nước có dự án làm đường khu du lịch M (đã được Nhà nước thu hồi hết đất) khi đó chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) đã nhận tiền bồi thường 86.026.644đ, phần đất của cha mẹ (ông N, bà H1) bị thu hồi được bồi thường số tiền 160.000.000đ ông N, bà H1 quản lý, sử dụng.

Hiện nay, căn nhà của chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) có 1 phần nằm trên thửa đất của chị B, phần còn lại nằm trên phạm vi lộ giới. Trước khi khởi kiện ra Tòa, chị B nhiều lần yêu cầu chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) di dời nhà trả lại hiện trạng thửa đất số 335 cho chị B thì chị B sẽ hỗ trợ chi phí di dời nhà số tiền 10.000.000đ nhưng chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) vẫn không chịu.

Nay chị B yêu cầu chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) cùng chồng là anh Nguyễn Văn K2 di dời nhà tạm có kết cấu: Nhà khung cột gỗ tạm, nền xi măng, vách tol, mái tol và tài sản để trả lại hiện trạng sử dụng đất thuộc thửa

335, tờ bản đồ số 38, diện tích 112,1m², loại đất chuyên trồng lúa nước. Đất tại ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Chị B đồng ý hỗ trợ chi phí di dời 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- *Bị đơn chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) – đại diện có ông Nguyễn Mạnh K trình bày:*

Không đồng ý theo yêu cầu của chị Huỳnh Thị B, căn nhà của chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) tồn tại từ năm 2005, khi đó phần đất thửa 335 có nguồn gốc là của cha là ông Huỳnh Văn N và mẹ là bà Nguyễn Thị H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi ông N chết năm 2015 thì anh Huỳnh Văn P đứng ra nhận thừa kế từ ông Huỳnh Văn N, đến năm 2017 anh Phú tặng cho quyền sử dụng đất thửa 335 cho chị Huỳnh Thị B. Đến năm 2011 chị T1 có nhận số tiền 86.026.644đ từ Ủy ban nhân dân thị xã B (tiền bồi thường về tài sản nhà) bố trí nền tái định cư, lúc đó bà Nguyễn Thị H1 là mẹ chị T1 là người nhận bồi thường giá trị đất, bao nhiêu chị không rõ.

Chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) đồng ý di dời nhà và tài sản trong nhà đi nơi khác, với điều kiện: chị B phải đưa số tiền 100.000.000đ tương đương giá trị diện tích 19,6m² chu vi căn nhà của chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) trên thửa đất 335, tờ bản đồ số 38, diện tích 112,1m² loại đất chuyên trồng lúa nước; Đất tại ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Chồng bà là ông Huỳnh Văn N chết 2015, vợ chồng bà có 05 người con gồm: Huỳnh Thị X, sinh năm 1953, Huỳnh Thị B, sinh năm 1965, Huỳnh Văn P, sinh năm 1969, Huỳnh Văn Ú, sinh năm 1975, Huỳnh Thị Mộng T1, sinh năm 1976. Trước khi ông N chết có chia tài sản như sau: Cho chị Huỳnh Thị X số tiền là 5.000.000đ giá trị 1 nền nhà khi đó, hiện tại chị X cũng đang ở trên đất. Cho anh Huỳnh Văn P 1 nền nhà, diện tích 121m² hiện do anh P quản lý, cho Huỳnh Văn Ú một nền nhà cặp với đất chị B. Đối với chị Huỳnh Thị B và Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) thì cho cất nhà trên thửa đất số 335 và có thỏa thuận “nếu chị B hoặc chị T1 (T2)” người nào vào quy hoạch và được cấp nền tái định cư thì không nhận đất, người còn lại nhận đất. Khi đó, bà H1 nhận số tiền bồi thường 160.000.000đ, chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) đã nhận tiền bồi thường nhà và nền tái định cư số tiền là 86.026.644đ (trong đó, giá trị bồi thường về tài sản 24.226.644đ, tiền di chuyển, thuê nhà: 3.000.000đ; Ổn định đời sống và sản xuất: 1.800.000đ; tái định cư tập trung: 57.000.000đ).

Nay bà Nguyễn Thị H1 đứng về phía nguyên đơn chị Huỳnh Thị B đề nghị Toà án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Huỳnh Thị B đối với chị

Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2). Khi đó, trong gia đình đã thoả thuận như đã nêu trên. Phần đất thửa 335 bà H1 thống nhất cho chị Huỳnh Thị B, không có tranh chấp và xin vắng mặt.

Đối với việc Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) yêu cầu Huỳnh Thị B phải đưa số tiền 100.000.000đ mới chịu đi là vô lý, không có căn cứ; Đề nghị Toà án không chấp nhận.

2. Anh Huỳnh Văn P trình bày:

Anh Huỳnh Văn P thống nhất với lời trình bày của mẹ anh là bà Nguyễn Thị H1, sau khi cha là ông Huỳnh Văn N chết thì anh P là người nhận thừa kế thửa đất 335, sau đó để thực hiện theo lời hứa và thoả thuận trong gia đình nên anh P đã lập thủ tục tặng thửa đất 335, tờ bản đồ số 38, diện tích 112,1m² loại đất chuyên trồng lúa nước cho chị Huỳnh Thị B như thoả thuận trong gia đình. Anh Huỳnh Văn P đứng về phía nguyên đơn chị Huỳnh Thị B đề nghị Toà án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Huỳnh Thị B đối với chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) và anh Nguyễn Văn K2. Vì chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) đã nhận tiền tái định cư và giá trị căn nhà xong. Lẽ ra, lúc đó Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) mua được một nền tái định cư khác với giá khi đó chỉ hơn 50.000.000đ mà không chịu mua, bây giờ phải trả lại đất cho chị Huỳnh Thị B. Đối với việc chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) yêu cầu Huỳnh Thị B trả số tiền 100.000.000đ mới chịu di dời nhà và tài sản đi nơi khác là vô lý, không có căn cứ; Đề nghị Toà án không chấp nhận.

3. Anh Nguyễn Văn K2 trình bày:

Anh Nguyễn Văn K2 là chồng chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2), thống nhất với ý kiến của vợ anh là chị T1 (T2), đề nghị chị B trả số tiền 100.000.000đ thì mới đồng ý di dời nhà và tài sản đi nơi khác.

4. Chị Huỳnh Thị X vắng mặt không có bản khai ý kiến.

5. Anh Huỳnh Văn Ú vắng mặt không có bản khai ý kiến.

6. Anh Nguyễn Văn H2 là chồng chị Huỳnh Thị B trình bày: thống nhất với lời trình bày của chị B, không bổ sung gì thêm.

7. Nguyễn Huỳnh Mộng H3, Nguyễn Hoàng T3 và Nguyễn Hoàng K1 là con của chị B và anh H1 có đơn xin vắng mặt.

- Tại phiên Tòa:

+ Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) và anh Nguyễn Văn K2 tháo dỡ di dời căn nhà sát tiền chế, mái tole trả lại hiện trạng sử dụng đất; đồng ý hỗ trợ cho vợ chồng

bà Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) và ông Nguyễn Văn K2 số tiền di dời theo diện tích đo đạc là 19,6m² theo giá đất Nhà nước quy định.

+ Bị đơn xin rút lại một phần yêu cầu phản tố, đồng ý di dời nhà nhưng yêu cầu hỗ trợ số tiền 50.000.000đ (19,6m² x 2.500.000đ = 49.000.000đ).

+ Anh P, anh H2 vẫn thống nhất theo ý kiến của chị B.

Vụ án đã được Tòa án thu thập chứng cứ, tổ chức hoà giải nhưng không thỏa thuận được nên Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Đương sự, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác và vẫn giữ nguyên các ý kiến của các bên.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị B. Buộc chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) phải tháo dỡ căn nhà khung cột gỗ tạm, vách tole, mái tole trả lại mặt bằng thửa đất số 335, tờ bản đồ số 38, diện tích 112,1m², loại đất chuyên trồng lúa nước; Đất tọa lạc ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long cho chị Huỳnh Thị B.

- Ghi nhận việc chị Huỳnh Thị B đồng ý hỗ trợ chi phí di dời cho chị Huỳnh Thị Mộng T1 số tiền 2.775.360đ.

- Đình chỉ đối với yêu cầu của chị T1 đã rút số tiền 50.000.000đ tiền bồi thường chi phí di dời.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) về việc yêu cầu chị Huỳnh Thị B bồi thường số tiền 50.000.000đ.

- Về án phí: Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.961.000đ.

- Về chi phí tố tụng: Bị đơn chịu chi phí đo đạc, định giá tài sản là 4.919.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất,

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh theo quy định tại khoản 2, 9 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nguồn gốc thửa đất tranh chấp:

Thửa đất số 335, tờ bản đồ số 38, diện tích 112,1 m², loại đất chuyên trồng lúa nước; Đất tại ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, có nguồn gốc trước đây của ông Huỳnh Văn N và bà Nguyễn Thị H1 được Ủy ban nhân dân huyện B (nay là thị xã B) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 14/7/2009 thuộc thửa đất số 2355, diện tích 909,1m², loại đất trồng lúa, đất tại xã M, thị xã B. Năm 2015 ông N cho con trai là anh Huỳnh Văn P nhận thừa kế theo văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 03/7/2017 lập tại Ủy ban nhân dân xã M; khi đó chị T1, chị B cùng ký tên văn bản thỏa thuận phân chia. Sau đó anh Huỳnh Văn P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 335, tờ bản đồ số 38, diện tích 112,1m². Để thực hiện theo ý nguyện của ông N, ngày 10/4/2018 anh Huỳnh Văn P đến Ủy ban nhân dân xã M lập hợp đồng tặng cho chị Huỳnh Thị B thửa đất số 335, tờ bản đồ số 38, diện tích 112,1m², loại đất chuyên trồng lúa nước. Ngày 02/5/2018 chị B được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; lúc đó chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) không ý kiến, không tranh chấp.

Về giá đất: Chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) cho rằng giá đất 02 lúa 2.500.000đ/1m², chị B đồng ý với giá đất theo đơn xác nhận thì giá đất 02 lúa có giá 141.600đ/1m². Xét thấy giá đất chị B đưa ra là phù hợp với giá đất theo biên bản định giá tài sản.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị B, đại diện có chị Phạm Diễm T về việc yêu cầu chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) và anh Nguyễn Văn K2 tháo dỡ di dời căn nhà sắt tiền chế, mái tole, nền xi măng, chiều ngang 5m chiều dài khoảng 12m trả lại hiện trạng sử dụng một phần thửa đất số 335, tờ bản đồ số 38, diện tích 112,1m² loại đất chuyên trồng lúa nước; Đất tọa lạc ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận; Bởi các lẽ: Thửa đất 335 được anh Huỳnh Văn P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do nhận di sản thừa kế từ ông Huỳnh Văn N, sau đó anh P thực hiện nguyện vọng của ông N và bà H1 lập hợp đồng tặng cho chị Huỳnh Thị B thửa đất nói trên, việc chị B được đứng tên thửa đất trên là hoàn toàn hợp pháp. Mặt khác, trước ông N có cho chị T1 (Tuyền) cất nhà tạm trên phần đất 335, đến năm 2011 Nhà nước thu hồi một phần đất của thửa 335, khi đó chị T1 đã nhận được số tiền bồi thường giá trị căn nhà 86.026.644đ bằng với giá trị thửa đất của chị B.

Buộc chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2), anh Nguyễn Văn K2 tháo dỡ căn nhà khung cột gỗ tạm, vách tole, mái tole trả lại hiện trạng sử dụng

thửa đất số 335, tờ bản đồ số 38, diện tích 112,1m², loại đất chuyên trồng lúa nước; Đất tọa lạc ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long cho chị Huỳnh Thị B.

Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời nhà của chị B cho chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) số tiền 2.775.360đ theo giá đất 141.600đ x 19,6m².

[4] Xét yêu cầu phản tố của chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) đối với chị B về việc yêu cầu chị B trả lại giá trị 19,6m² bằng 50.000.000đ là không có căn cứ chấp nhận, bởi các nhận định nói trên.

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) về việc rút lại số tiền yêu cầu bồi thường 50.000.000đ.

- Về chi phí tố tụng khác: Buộc chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) chịu toàn bộ chi phí đo đạc, định giá tài sản: 4.919.000đ.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) chịu số tiền án phí: 2.961.000đ. Hoàn trả lại chị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[5] Quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 165; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 166; 457; 459; 500; Điều 501 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 101; Điều 166; Điều 167; Điều 169 và Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 26; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/ 12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị B, đại diện có chị Phạm Diễm T đối với chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2).

Buộc chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2), anh Nguyễn Văn K2 tháo dỡ căn nhà khung cột gỗ tạm, vách tole, mái tole trả lại hiện trạng sử dụng trên thửa đất số 335, tờ bản đồ số 38, diện tích 112,1m², loại đất chuyên trồng lúa nước; Đất tọa lạc ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long cho chị Huỳnh Thị B.

(Theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất của Trung Tâm Kỹ Thuật Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh V).

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Huỳnh Thị B hỗ trợ chi phí di dời nhà cho chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) số tiền 2.775.360đ theo giá đất 141.600đ x 19,6m².

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) về việc yêu cầu chị Huỳnh Thị B bồi thường số tiền 50.000.000đ.

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) về việc rút lại yêu cầu bồi thường số tiền 50.000.000đ.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) chịu số tiền: 2.961.000đ. Được khấu trừ số tiền nộp tạm ứng: 2.500.000đ, theo biên lai thu số 0012623, ngày 06/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) phải nộp thêm số tiền: 461.000đ. Hoàn trả chị Huỳnh Thị B số tiền tạm ứng án phí: 300.000đ, theo biên lai thu số 0012964, ngày 09/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh.

3/ Về chi phí tố tụng khác:

- Buộc chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) chịu toàn bộ chi phí đo đạc, định giá tài sản: 4.919.000đ (bốn triệu, chín trăm mười chín ngàn đồng). Chị Huỳnh Thị B đã nộp tạm ứng đủ, buộc chị Huỳnh Thị Mộng T1 (Huỳnh Kim T2) nộp để hoàn lại chị Huỳnh Thị B.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chưa hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TX Bình Minh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- CC THADS TX Bình Minh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn;

Trương Minh T